

THỜI KHOÁ BIỂU HV
Trung cấp Kinh tế Bình Dương

Thực hiện từ ngày 12 tháng 10 năm 2026

Thứ	Tiết	10LKBC1 (Hà)		10LKBC2 (Tú)		10LKBC3 (Vinh)		10LKBC4 (Kha)		11LKBC1 (Kim Cúc)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		HĐTN-HN - Hà		Sinh - Tú				CĐ(Văn) - Thị Cúc		Lí - Thị Xuân
	2		HĐTN-HN - Hà		Sinh - Tú				HĐTN-HN - Phát		Toán - Tuyệt
	3		Lí - Hà		HĐTN-HN - Tú		Văn - Thị Cúc		CN - Phát		Toán - Tuyệt
	4		Sinh - Na				Lí - Hà				CĐ(Toán) - Tuyệt
	5						Lí - Hà				
3	1		HĐTN-HN - Hà				CN - Vinh		Toán - Đồng		GDKTPL - Hương
	2		Lí - Hà				HĐTN-HN - Vinh		Toán - Đồng		GDKTPL - Hương
	3		CĐ(Toán) - Đồng				SHL - Vinh		Lí - Hà		Toán - Tuyệt
	4		Sinh - Na				Toán - Đồng		Lí - Hà		CN - Vinh
	5		SHL - Hà				CĐ(Toán) - Đồng				CN - Vinh
4	1		Sử - Phương		Địa - Dũng						
	2				Địa - Dũng				HĐTN-HN - Phát		HĐTN-HN - Kim Cúc
	3		Địa - Dũng		Sử - Phương		Toán - Đồng		HĐTN-HN - Phát		HĐTN-HN - Kim Cúc
	4		Địa - Dũng		Toán - Đồng		Văn - Thị Cúc		CN - Phát		Văn - Tuyển
	5		CĐ (Sử) - Phương		Toán - Đồng				Văn - Thị Cúc		Văn - Tuyển
5	1			Văn - Thị Cúc		CN - Vinh				Sử - Kim Cúc	
	2			Văn - Thị Cúc		HĐTN-HN - Vinh				CĐ(Văn) - Tuyển	
	3			Lí - Thị Xuân		HĐTN-HN - Vinh				SHL - Kim Cúc	
	4			Lí - Thị Xuân		Văn - Thị Cúc				Văn - Tuyển	
	5					CĐ(Văn) - Thị Cúc				Lí - Thị Xuân	
6	1								Toán - Đồng		
	2								CĐ(Toán) - Đồng		
	3		Toán - Đồng								
	4		Toán - Đồng								
	5		Toán - Đồng								
7	1		Văn - Tình	CĐ(Văn) - Thị Cúc	Sử - Phương		GDKTPL - Lê Văn	Sử - Triều	Sử - Triều		Địa - Linh
	2		Văn - Tình	GDKTPL - Trần Văn	CĐ (Sử) - Phương	Sử - Triều	GDKTPL - Lê Văn	Văn - Thị Cúc	Địa - Lục		Địa - Linh
	3		Văn - Tình	GDKTPL - Trần Văn	HĐTN-HN - Tú	Sử - Triều	CĐ (Sử) - Triều	Văn - Thị Cúc	Địa - Lục		HĐTN-HN - Kim Cúc
	4	GDKTPL - Trần Văn	CĐ(Văn) - Tình	Văn - Thị Cúc	HĐTN-HN - Tú		Địa - Lục	CĐ (Sử) - Triều	GDKTPL - Lê Văn		Sử - Kim Cúc
	5	GDKTPL - Trần Văn	Sử - Phương		SHL - Tú		Địa - Lục		GDKTPL - Lê Văn		CĐ (Sử) - Kim Cúc

THỜI KHOÁ BIỂU HV
Trung cấp Kinh tế Bình Dương

Thực hiện từ ngày 12 tháng 10 năm 2026

Thứ	Tiết	11LKBC2 (Thị Cúc)		11LKBC3 (Thị Xuân)		12LKBC1 (Di)		12LKBC2 (Na)			
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1		CN - Phát			Toán - Đồng	CN - Di		Sinh - Na		
	2		Văn - Thị Cúc		Lí - Thị Xuân	Toán - Đồng	HĐTN-HN - Di		HĐTN-HN - Na		
	3					Toán+ - Đồng	HĐTN-HN - Di		HĐTN-HN - Na		
	4				CN - Phát	Toán+ - Đồng	Văn - Hằng		CN - Di		
	5				CN - Phát		Văn - Hằng		Toán - Tuyệt		
3	1		Toán - Tuyệt			Văn - Hằng			HĐTN-HN - Na		
	2		Toán - Tuyệt			Văn+ - Hằng		GDKTPL - Hương	Sinh - Na		
	3		HĐTN-HN - Thị Cúc			Văn+ - Hằng	GDKTPL+ - Hương	GDKTPL - Hương	SHL - Na		
	4		Văn - Thị Cúc			CD(Văn) - Hằng	GDKTPL - Hương	GDKTPL+ - Hương	Văn - Linh (BP)		
	5						GDKTPL - Hương		Văn - Linh (BP)		
4	1		CN - Phát		Văn - Tuyển						
	2		HĐTN-HN - Thị Cúc		Văn - Tuyển		Sử - Phương				
	3		HĐTN-HN - Thị Cúc		CD(Văn) - Tuyển						
	4				Sử - Kim Cúc		CD (Sử) - Phương				
	5				CD (Sử) - Kim Cúc						
5	1	Lí - Thị Xuân		Văn - Tuyển			Địa - Dũng		Toán - Tuyệt		
	2	GDKTPL - Nhuận		HĐTN-HN - Thị Xuân			Địa - Dũng		Toán - Tuyệt		
	3	GDKTPL - Nhuận							Toán+ - Tuyệt		
	4	Sử - Kim Cúc		GDKTPL - Nhuận					Toán+ - Tuyệt		
	5	CD (Sử) - Kim Cúc		GDKTPL - Nhuận							
6	1		Văn - Thị Cúc		Toán - Tuyệt	Toán - Đồng	HĐTN-HN - Di		Văn - Linh (BP)		
	2		SHL - Thị Cúc		Toán - Tuyệt	CD(Toán) - Đồng	CN - Di		Văn+ - Linh (BP)		
	3		Toán - Tuyệt				SHL - Di		Văn+ - Linh (BP)		
	4		CD(Văn) - Thị Cúc		Toán - Tuyệt				CD(Văn) - Linh (BP)		
	5				CD(Toán) - Tuyệt				CN - Di		
7	1		Sử - Kim Cúc	Địa - Linh	Lí - Thị Xuân		Sinh - Tú				
	2		Lí - Thị Xuân	Địa - Linh	Sử - Kim Cúc		Sinh - Tú		Sử - Triều		
	3		Địa - Linh		HĐTN-HN - Thị Xuân		Sử - Phương	Địa - Linh	CD(Toán) - Tuyệt		
	4		Địa - Linh		HĐTN-HN - Thị Xuân		Sử+ - Phương	Địa - Linh	CD (Sử) - Triều		
	5		CD(Toán) - Tuyệt		SHL - Thị Xuân			Sử - Triều	Sử+ - Triều		